

Số: 106/2021/QĐST-HNGĐ

H, ngày 09 tháng 03 năm 2021.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

- Căn cứ vào Điều 144, 147, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 94/2021/TLST-HNGĐ ngày 26/02/2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 01/03/2021 tại Tòa án nhân dân quận B.

Người yêu cầu:

- **Anh Trần Anh Đ**, sinh năm 1977. HKTT và nơi ở: 813 tầng 8A6 TT phố G, phường G, quận B, thành phố H.
- **Chị Nguyễn Thị Thùy D**, sinh năm 1989. HKTT: 813 tầng 8A6 TT phố G, phường G, quận B, thành phố H; nơi ở: 186 phố N, phường T, quận H1, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Anh Trần Anh Đ và chị Nguyễn Thị Thùy D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 141 tại Ủy ban nhân dân phường G, quận B, thành phố H ngày 12/11/2013. Đây là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Anh Trần Anh Đ và chị Nguyễn Thị Thùy D yêu cầu Tòa án nhân dân quận B công nhận thuận tình ly hôn vì cả hai đều xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có. Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của hai bên đã được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 01/03/2021 tại Tòa án nhân dân quận B là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh Trần Anh Đ và chị Nguyễn Thị Thùy D xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về tài sản và nhà ở chung (động sản và bất động sản): Anh Trần Anh Đ và chị Nguyễn Thị Thùy D xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn vợ chồng tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

- Về các khoản vay nợ: Anh Trần Anh Đ và chị Nguyễn Thị Thùy D xác nhận không có nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

[5]. Về lệ phí tòa án: Anh Trần Anh Đ và chị Nguyễn Thị Thùy D thống nhất thỏa thuận: chị D chịu toàn bộ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản thuận tình ly hôn thỏa thuận việc nuôi con và chia tài sản sau khi ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Anh Đ và chị Nguyễn Thị Thùy D.

- Về con chung: Anh Trần Anh Đ và chị Nguyễn Thị Thùy D xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xét.

- Về tài sản và nhà ở chung (động sản và bất động sản): Anh Trần Anh Đ và chị Nguyễn Thị Thùy D xác nhận không có tài sản và nhà ở chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xét. Sau khi ly hôn vợ chồng tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

- Về các khoản vay nợ: Anh Trần Anh Đ và chị Nguyễn Thị Thùy D xác nhận không có nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết, nên Tòa không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Thùy D tự nguyện chịu cả 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tiền số 0001229 ngày 26/2/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND quận B;
- CQ đã thực hiện việc đăng ký KH
- Các đương sự;
- Tòa án ND TP. H;
- Chi cục THA DS quận B
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Dương Thị Sen

